

Bản án số: 1404/2017/HNGĐ – ST

Ngày: 27 – 9 – 2017

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 785/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1966/2017/QĐXX – ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2114/2017/ QĐST – DS ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Ngọc T, sinh năm 1984 trú tại số 703 Cao ốc A đường NGT, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Giáng S, sinh năm 1978 trú tại số 8/44A đường LĐT, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lâm Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Giáng S có quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2008 cho đến năm 2010 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyền số 01/2009 ngày 05/8/2010.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ số 221/2 (số cũ: 8/44A) đường LĐT, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do tính chất công việc anh S thường đi sớm về muộn và uống rượu nhiều dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách sống. Chị và anh S đã nói chuyện với nhau để đưa ra những khuyết điểm chung và vợ chồng đã hàn gắn hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2015 mâu thuẫn lại tiếp tục phát sinh, nguyên nhân là do anh S vẫn thường xuyên uống rượu, không thay đổi tính tình. Thấy không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa nên vào tháng 7 năm 2016, chị đã sống ly thân với anh S cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nhận thấy tình cảm dành cho anh S không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Giáng S đã được Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để đến Tòa án làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vì chị cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh S đã thực sự trầm trọng, hạnh phúc không còn khả năng hàn gắn, hai người sống ly thân đã lâu, hơn nữa chị cũng không còn tình cảm với anh S nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Giáng S đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cùng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 BLTTDS. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195 và 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Giáng S trú tại số 8/44A đường LĐT, Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Giáng S đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 01/2009 ngày 05/8/2010 do Ủy ban nhân dân phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/2008 đã có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Giáng S và chị Lâm Thị Ngọc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm dành cho anh S hiện nay không còn vì giữa hai bên đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách sống, nguyên nhân là do anh S thường xuyên uống rượu, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, hơn nữa cả hai đã sống ly thân hơn một năm nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng, hạnh phúc vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Bị đơn anh Nguyễn Giáng S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của anh S. Tuy nhiên, trong trường hợp này cho thấy mâu thuẫn giữa đôi bên là có thật và anh S không thực sự có thiện chí đoàn tụ với chị T. Do đó, xét thấy nếu có tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh S cũng không thể đem lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã thực sự trầm trọng, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Ngọc T là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật Phí và lệ phí thì án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Thy phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Giáng S.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 134, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/2010 cho chị Lâm Thị Ngọc T và anh Nguyễn Giáng S không còn giá trị).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018771 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Giáng S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- THADS quận G;
- UBND phường P, quận Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lĩnh

**THÀNH VIÊN HỘI
ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Hồng Võ Thành Viên

Đỗ Thị Linh